

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 21 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đăng Thiện
- Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Có mặt.
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1962; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:*

- Anh Lê Thanh H1, sinh năm 1984; Có mặt.
- Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1986; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh H3, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị H:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H trình bày:

Gia đình ông bà và gia đình ông Lê Thanh H3 có quen biết nhau đã lâu vì là người cùng xã. Vào ngày 29/7/2020 ông Lê Thanh H3 có gọi điện cho ông T hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng, nói vay hộ cho vợ chồng con trai là anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 lấy tiền làm kinh tế gia đình. Thời điểm đó vợ chồng anh H1, chị H2 đang gặp khó khăn về kinh tế, nên qua giới thiệu của ông H3 và cam đoan của ông H3 về việc nhận trách nhiệm trả nợ số tiền anh H1, chị H2 vay, nên gia đình ông bà mới tin tưởng đồng ý cho vay. Sau đó ông H3 có đưa vợ chồng con trai là anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 đến nhà ông bà vay số tiền là 150.000.000 đồng. Khi vay tiền thì anh H1 và chị H2 là người trực tiếp nhận tiền và có viết giấy vay tiền ngày 29/7/2020 ghi rõ số tiền vay là 150.000.000 đồng, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng, giấy vay tiền có chữ ký của anh H1 và chị H2; cuối giấy vay tiền ông H3 cũng có viết cam kết và ký xác nhận với nội dung là ông H3 nhận chịu trách nhiệm trả nợ số tiền anh H1, chị H2 đã vay của gia đình ông bà. Ông bà khẳng định việc vợ chồng ông bà cho anh H1, chị H2 vay số tiền 150.000.000 đồng là có sự bảo lãnh của ông H3, nên gia đình ông bà mới tin tưởng cho vay. Quá trình trả nợ, hàng tháng anh H1, chị H2 đã trả tiền lãi cho gia đình ông bà đến hết tháng 12/2022, còn nợ gốc chưa trả. S đến năm 2023 thì anh H1, chị H2 không trả gốc, cũng không trả lãi thêm cho gia đình ông bà được số tiền nào. Gia đình ông bà cần tiền để lo công việc gia đình, nên đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H1, chị H2 và ông H3 thu xếp tiền trả nợ cho gia đình ông bà, nhưng anh H1 và chị H2 không trả được nợ; ban đầu ông H3 có nói là nếu anh H1, chị H2 không trả được nợ thì ông H3 sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho gia đình ông bà, nhưng nay anh H1, chị H2 không trả được nợ, ông H3 lại nói là anh H1, chị H2 vay tiền chứ ông H3 không vay và ông H3 không có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, nay ông bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị H2 có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 theo lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Nếu anh H1, chị H2 không trả được nợ, thì đề nghị buộc ông H3 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông bà, theo đúng như nội dung ông H3 đã cam kết.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lê Thanh H1 trình bày:

Vào ngày 29/7/2020 vợ chồng anh (Lê Thanh H1 và Phạm Thị H2) có đến nhà ông T, bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 2.250.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Kể từ ngày vay thì vợ chồng anh đã trả lãi đến hết tháng 12 năm 2022 cho ông T, bà H. Từ đầu năm 2023 do vợ chồng anh làm ăn thua lỗ, nên không trả được lãi hàng tháng cho ông T, bà H. Nay ông T, bà H khởi kiện đòi nợ, quan điểm của anh là xin gia đình ông T, bà H tiền lãi, về tiền gốc vợ chồng anh xin được trả nợ dần hàng tháng.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Phạm Thị H2 trình bày:

Ngày 29/7/2020 bố chồng chị (ông Lê Thanh H3) có giới thiệu chỗ quen biết là ông T, bà H và dẫn vợ chồng chị lên vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, là một tháng phải trả lãi 2.250.000 đồng. Trong thời gian vay vợ chồng chị vẫn trả lãi đều hàng tháng và chuyển khoản cho ông T đến hết năm 2022. Tuy nhiên bắt đầu từ tháng 1 năm 2023 do làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng chị chưa trả được lãi hàng tháng cho gia đình ông T, nên ông T gửi đơn ra tòa. Quan điểm của gia đình chị là hiện giờ đang khó khăn, nên vợ chồng chị xin gia đình ông T, bà H tiền lãi suất và trả tiền gốc xin trả dần hàng tháng.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh H3 trình bày:

Tháng 7 năm 2020 con trai ông là Lê Thanh H1 và con dâu là Phạm Thị H2 có nhờ ông giới thiệu đến nhà ông T, bà H để vay số tiền 150.000.000 đồng, ông có điện thoại trước cho ông T hỏi thì ông T đồng ý cho vay tiền. Ngày 29/7/2020 ông có đưa anh H1 và chị H2 đến gặp trực tiếp ông T, bà H để vay tiền và được ông T, bà H đồng ý cho vay và bảo hai vợ chồng anh H1, chị H2 viết giấy vay tiền với số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Sau khi vay được tiền ông và vợ chồng anh H1, chị H2 ra về, khoảng 2 tiếng sau thì ông T gọi điện bảo ông đến nhà ông T có chút việc, ông đến và được ông T bảo ký vào giấy vay tiền của anh H1, chị H2 đã viết, nên ông có ký nhận chịu trách nhiệm vào giấy vay tiền này. Nay ông T khởi kiện đòi ông phải có trách nhiệm trả nợ, quan điểm của ông là ông đã già yếu không có khả năng trả nợ, trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà H là trách nhiệm của anh H1 và chị H2, còn ông không có trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117,

khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H.

Buộc anh Lê Thanh H1, chị Phạm Thị H2 và ông Lê Thanh H3 phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận (1,5%/tháng) đến ngày tuyên án. Ngoài ra, nếu anh H1, chị H2, ông H3 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2, cư trú tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Phạm Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét tờ giấy vay tiền ghi ngày 29/7/2020 do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H xuất trình, thấy rằng: Nội dung có ghi nhận việc anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 có vay của ông T và bà H số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, mục đích vay để phát triển kinh tế và hẹn khi nào cần gốc ông T, bà H phải báo trước 10 ngày. Mặt sau của giấy vay tiền ghi ngày 29/7/2020 có nội dung: Ông Lê Thanh H3 cam kết nhận chịu trách nhiệm số tiền vay của 2 con là Lê Thanh H1 và Phạm Thị H2 theo nội dung đơn đã viết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thanh H1, chị Phạm Thị H2 và ông Lê Thanh H3 đều thừa nhận nội dung trong giấy vay tiền ghi ngày 27/9/2020 và xác nhận về chữ viết chữ ký của anh H1, chị H2 và ông H3. Do đó, có cơ sở xác định giấy vay tiền ghi ngày 27/9/2020 nêu trên, là cơ sở làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và tiền lãi, thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 còn nợ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H số tiền

nợ gốc 150.000.000 đồng, phù hợp với nội dung ghi tại giấy vay tiền ngày 29/7/2020. Do đó có cơ sở khẳng định anh H1, chị H2 còn nợ ông T, bà H số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng. Theo giấy vay tiền thì hai bên có thỏa thuận khi nào lấy nợ gốc thì ông T, bà H phải báo trước cho anh H1 và chị H2 10 ngày. Xét giao dịch về tài sản giữa ông T, bà H với anh H1, chị H2 là thỏa thuận vay tiền không có kỳ hạn, nay ông T và bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh H1 và chị H2 không trả được nợ, nên việc ông T và bà H khởi kiện đòi nợ là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H, buộc anh H1 và chị H2 phải trả nợ cho ông T và bà H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại “giấy vay tiền” không ghi lãi suất cụ thể, mà chỉ ghi là lãi suất thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều xác nhận lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng và anh H1, chị H2 đã trả tiền lãi đến hết năm 2022; từ ngày 01/01/2023 đến nay không trả được nợ gốc và lãi. Xét thỏa thuận về lãi suất 1,5%/tháng giữa hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó xác định lãi suất là 1,5%/tháng = 18%/năm = 0,0493%/ngày. Ông T, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2023, tính đến ngày xét xử (21/7/2023) là 201 ngày. Vì vậy, xác định số tiền lãi tính đến ngày 21/7/2023 là 150.000.000 đồng x 201 ngày x 0,0493%/ngày = 14.868.493 đồng.

[3.3] Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi, số tiền anh H1 và chị H2 phải trả cho ông T và bà H tính đến ngày 21/7/2023 là 164.868.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 14.868.493 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm bảo lãnh, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H đều khẳng định việc ông bà cho anh H1 và chị H2 vay tiền là có sự bảo lãnh của ông H3 và có ý kiến buộc ông H3 phải chịu trách nhiệm trả nợ thay như cam kết nếu anh H1 và chị H2 không trả được nợ; Anh H1 và chị H2 thừa nhận việc ông H3 giới thiệu và dẫn anh chị lên vay tiền của ông T, bà H; Ông H3 cũng thừa nhận việc giới thiệu và dẫn anh H1, chị H2 lên vay tiền của ông T và bà H, thừa nhận việc có viết và ký xác nhận việc nhận chịu trách nhiệm về số tiền vay của anh H1 và chị H2 vào giấy vay tiền. Lời khai của các bên đương sự như nêu trên, là phù hợp với nội dung ghi tại giấy vay tiền ngày 27/9/2020, cụ thể: Mặt trước giấy vay tiền có ghi nhận nội dung thể hiện việc anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 có vay của ông T và bà H số tiền 150.000.000 đồng; Mặt sau của giấy vay tiền có nội dung thể hiện việc ông Lê Thanh H3 cam kết nhận chịu trách nhiệm về số tiền vay của 2 con là Lê Thanh H1 và Phạm Thị H2. Như vậy có cơ sở khẳng định việc ông Lê Thanh H3 đã bảo lãnh cho con là anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 vay của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh...”*. Do đó, trong trường hợp nếu anh H1 và chị H2 không trả được nợ, thì người nhận bảo lãnh là ông H3 phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho anh H1 và chị H2, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 có ý kiến đồng ý trả nợ cho ông T và bà H, nhưng xin được trả nợ dần cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đề nghị này của anh H1 và chị H2 không được phía ông T và bà H đồng ý, nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông T và bà H được chấp nhận, nên bị đơn là anh H1 và chị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Ông T và bà H không phải nộp tiền án phí. Trước đó khi thụ lý vụ án do ông T và bà H là người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên đã được Tòa án ra Thông báo về việc miễn tiền tạm ứng án phí. Như vậy không phải xem xét.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 292, Điều 293, 335, 336, 339, 342, 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H,

- Buộc anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 21/7/2023 là 164.868.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 14.868.493 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2023 anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng (18%/năm) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 không trả được nợ, thì ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H có quyền yêu cầu ông Lê Thanh H3 phải có trách nhiệm trả nợ thay cho anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 đối với số tiền còn nợ ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh H1 và chị Phạm Thị H2 phải nộp 8.243.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn Lê Thanh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Phạm Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H3 vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến